



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

(Đơn vị tiền tệ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>375,476,953,079</b>	<b>346,833,900,478</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>38,468,524,904</b>	<b>31,156,323,250</b>
1. Tiền	111		38,468,524,904	31,156,323,250
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147,710,941,184</b>	<b>108,491,264,265</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	129,043,916,305	107,239,326,192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		464,818,406	1,697,554,460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	19,958,351,222	1,310,528,362
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,761,084,750)	(1,761,084,750)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>184,793,821,466</b>	<b>198,519,297,653</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	184,793,821,466	198,519,297,653
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,503,665,525</b>	<b>8,667,015,310</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,055,838,991	1,856,009,558
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,433,927,246	6,743,813,233
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		13,899,288	67,192,519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>204,254,029,472</b>	<b>209,120,333,885</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>269,344,796</b>	<b>587,435,043</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	269,344,796	587,435,043
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>100,222,818,797</b>	<b>110,405,555,808</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	58,173,367,154	61,629,326,415
<i>Nguyên giá</i>	222		94,729,638,010	94,888,926,930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36,556,270,856)	(33,259,600,515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3,239,123,564	9,422,542,688
<i>Nguyên giá</i>	225		5,001,217,521	13,796,893,307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1,762,093,957)	(4,374,350,619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	38,810,328,079	39,353,686,705
<i>Nguyên giá</i>	228		45,566,332,444	45,566,332,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6,756,004,365)	(6,212,645,739)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>31,076,093,700</b>	<b>31,076,093,700</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	31,076,093,700	31,076,093,700
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>70,000,000,000</b>	<b>63,200,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	70,000,000,000	63,200,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,685,772,179</b>	<b>3,851,249,334</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2,685,772,179	3,851,249,334
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>579,730,982,551</b>	<b>555,954,234,363</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>288,627,552,395</b>	<b>261,572,177,031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>282,475,937,627</b>	<b>253,129,948,055</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25,827,254,993	52,490,669,441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,090,393,198	1,456,865,006
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,678,146,976	1,668,768,480
4. Phải trả người lao động	314		3,831,483,719	5,147,006,526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1,568,654,465	4,019,278,264
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	27,719,813,268	293,162,883
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	219,396,757,821	187,046,043,168
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1,363,433,187	1,008,154,287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,151,614,768</b>	<b>8,442,228,976</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	290,738,000	263,238,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	5,860,876,768	8,178,990,976
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

37524  
**NG**  
**S PH**  
**CHU**  
**UGOI**  
**-T.PH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**


Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp** (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>291,103,430,156</b>	<b>294,382,057,332</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19.a	<b>291,103,430,156</b>	<b>294,382,057,332</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,175,955,129	6,044,281,728
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,385,475,027	12,795,775,604
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17,546,376,697)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24,931,851,724	12,795,775,604
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>579,730,982,551</b>	<b>555,954,234,363</b>

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

Tổng Giám Đốc



Huyền Vân Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

(Đơn vị: VND)

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lý do từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	191,254,128,855	159,729,378,275	320,003,778,472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.1	4,123,594,703	7,338,983,594	7,780,986,105
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		187,130,534,152	152,390,394,681	312,222,792,367
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	163,745,800,643	132,772,451,518	267,259,946,867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23,384,733,509	19,617,943,163	44,962,845,500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.5	18,949,603,573	18,406,495	19,240,318,066
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	3,179,031,479	3,589,629,434	6,117,285,086
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,108,180,313	3,479,656,167	6,046,433,920
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	11,420,124,665	10,715,114,909	22,169,150,090
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	4,591,191,163	3,987,500,648	9,786,959,881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23,143,989,775	1,244,104,667	26,229,768,509
11. Thu nhập khác	31	V1.7	724,921,048	181,382,631	894,232,418
12. Chi phí khác	32	V1.8	370,300,527	142,233,753	412,076,672
13. Lợi nhuận khác	40		354,612,521	39,148,878	482,155,746
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,498,602,296	1,383,253,545	26,711,924,255
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,119,264,299	282,735,709	1,780,072,531
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thới, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22,379,337,997	1,100,517,836	24,931,851,724	4,168,089,455
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	22,379,337,997	1,100,517,836	24,931,851,724	4,168,089,455
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

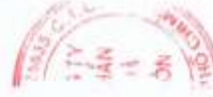
Người lập biểu

Lê Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26,711,924,255	5,217,718,069
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5,305,070,153	4,696,059,383
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,130,311,329)	(33,296,644)
- Chi phí lãi vay	06	6,048,243,220	6,219,786,192
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19,934,926,299	16,198,267,000
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17,846,791,349)	(912,012,061)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13,725,476,187	(39,264,436,536)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(31,164,967,697)	(33,347,207,711)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,965,647,722	(3,229,020,770)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6,202,923,955)	(6,327,141,692)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,864,219,426)	(1,657,815,810)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	165,142,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(207,591,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21,452,852,219)</b>	<b>(68,679,817,080)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,569,561,000)	(9,201,830,657)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28,767,292	33,296,644
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1,540,793,708)</b>	<b>(9,168,534,013)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	232,036,736,602	182,533,358,256
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(199,355,985,604)	(108,335,167,698)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.18 (2,374,903,417)	(1,454,774,598)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(276,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>30,305,847,581</b>	<b>72,467,415,960</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>7,312,201,654</b>	<b>(5,352,735,133)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 31,156,323,250</b>	<b>24,460,164,989</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1 38,468,524,904</b>	<b>19,107,429,856</b>

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Lê Thị Tuyết

Ngô Thị Thanh Lan

Huyện Cần Hòa



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### I. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

##### Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình  
Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

##### Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.

1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Số 81, Quốc lộ 1A, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, VN

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đàng A, Xã Cour Đàng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 D, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Cầu Lộ, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bê chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 308 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đồng 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

---

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

##### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **3. Hàng tồn kho**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đồng 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm/Tỷ lệ
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### **6. Tài sản cố định thuế tài chính**

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuế tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuế tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuế tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

##### **7. Tài sản thuê hoạt động**

###### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

###### *Công ty là bên đi thuê*

Thuế tài sản được phân loại là thuế hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

##### **8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

##### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

###### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

###### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

---

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

##### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

##### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

##### **13. Chi phí trả trước**

###### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

###### **Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản**

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

###### **Chi phí quảng cáo, thuê nhà**

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

##### **14. Chi phí phải trả:**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**15. Vay và nợ phải trả thuế tài chính:**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuế tài chính của Công ty.

**16. Nguồn vốn kinh doanh**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

**17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**18. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

**Mục đích**

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **21. Giá vốn hàng bán:**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

#### **22. Chi phí tài chính:**

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

**24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5,554,037,463	2,254,647,792
Tiền gửi ngân hàng	32,914,487,441	28,901,675,458
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
<b>Cộng</b>	<u><b>38,468,524,904</b></u>	<u><b>31,156,323,250</b></u>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
<b>+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
<b>Cộng</b>				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:</b>				
<b>+ Công ty con:</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đồng 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	70,000,000,000	63,200,000,000
<b>Cộng</b>	<b>70,000,000,000</b>	<b>63,200,000,000</b>

**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	2,173,563,047	
- Công Ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Trần Gia Phát	15,074,886,640	
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	14,509,978,359	
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương – DL Quý Sơn Hà	938,373,216	938,373,216
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	9,949,657,609	13,917,409,009
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	15,000,029,220	28,314,181,000
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	3,312,192,616	3,273,312,676
- Các Khách hàng khác	67,262,524,065	59,973,338,758
<b>Cộng</b>	<b>129,043,916,305</b>	<b>107,239,326,192</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	2,173,563,047	
<b>Cộng</b>	<b>2,173,563,047</b>	

**4. Các khoản phải thu khác**

Ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa			
- Phải thu người lao động		1,710,162,001	962,008,865
- Ký cược, ký quỹ		37,100,000	37,100,000
- Bảo hiểm xã hội		152,088,524	121,019,849
- Thuế giá trị gia tăng thuế tài chính			
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		18,059,000,697	190,399,648
<b>Cộng</b>		<b>19,958,351,222</b>	<b>1,310,528,362</b>
Dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn		269,344,796	587,435,043
<b>Cộng</b>		<b>269,344,796</b>	<b>587,435,043</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>20,227,696,018</b>	<b>1,897,963,405</b>

**5. Nợ xấu**

Nợ gốc	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc Giá trị có thể thu hồi

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
Bình Dương – DL Quý Sơn Hà	938,373,216	938,373,216
<b>Cộng</b>	<b>1,761,084,749</b>	<b>1,761,084,749</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		15,752,373,178
Nguyên liệu, vật liệu	61,850,809,908	61,604,039,778
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10,706,075,710	9,041,976,931
Thành phẩm	25,467,298,954	23,620,871,774
Hàng hóa	86,769,636,894	88,500,035,991
<b>Cộng</b>	<b>184,793,821,466</b>	<b>198,519,297,653</b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa		
<b>Cộng</b>		

**8. Chi phí trả trước**

<b>Ngắn hạn</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước về thuê kho	539,559,243	775,886,900
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	348,731,601	803,612,335
- Các khoản khác	167,548,147	276,510,323
<b>Cộng</b>	<b>1,055,838,991</b>	<b>1,856,009,558</b>

<b>Dài hạn</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ	582,290,520	594,990,416
- Chi phí sửa chữa	70,407,357	65,388,748
- Chi phí mua bảo hiểm	37,480,194	46,825,182
- Các khoản khác	1,995,594,108	3,144,044,988
<b>Cộng</b>	<b>2,685,772,179</b>	<b>3,851,249,334</b>

<b>Tổng cộng</b>	<b>3,741,611,170</b>	<b>5,707,258,892</b>
------------------	----------------------	----------------------

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	31,835,646,904	21,469,492,403	41,240,147,714	343,639,909		94,888,926,930
Tăng trong năm		4,573,702,222	6,042,762,669			10,616,464,891
- Mua sắm mới		380,797,200	1,416,991,905			1,797,789,105
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chuyển từ tài sản thuế tài chính sang	4,192,905,022	4,625,770,764		8,818,675,786
Giảm trong năm	4,192,905,022	6,582,848,789		10,775,753,811
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai	4,192,905,022	6,582,848,789		10,775,753,811
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31,835,646,904</b>	<b>21,850,289,603</b>	<b>40,700,061,594</b>	<b>343,639,909</b>	<b>94,729,638,010</b>
-------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	7,029,253,287	14,823,623,613	11,064,836,390	341,867,225	33,259,600,515
Tăng trong năm	712,872,785	3,045,973,922	3,613,348,798	1,772,684	7,373,968,189
- Khấu hao trong năm	712,872,785	3,045,973,922	1,927,784,551	1,772,684	5,688,403,942
- Chuyển từ tài sản thuế tài chính sang			1,685,564,247		1,685,564,247
Giảm trong năm		1,843,791,510	2,233,506,338		4,077,297,848
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai		1,843,791,510	2,233,506,338		4,077,297,848
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7,742,126,072</b>	<b>16,825,806,025</b>	<b>12,444,698,850</b>	<b>343,639,909</b>	<b>36,556,270,856</b>
-------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	24,806,393,617	6,645,868,790	30,175,291,324	1,772,684	61,629,326,415
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24,093,520,832</b>	<b>5,824,483,578</b>	<b>28,355,362,744</b>		<b>58,173,367,154</b>

**10 Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
Tăng trong năm					
- Thuế tài chính trong năm					
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm		8,795,675,786			8,795,675,786
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính		8,795,675,786			8,795,675,786
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4,185,905,022</b>	<b>815,312,499</b>		<b>5,001,217,521</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1,594,630,495	2,779,720,124		4,374,350,619
Tăng trong năm		691,295,711		691,295,711
- Khấu hao trong năm		691,295,711		691,295,711
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm		3,303,552,373		3,303,552,373
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính		3,303,552,373		3,303,552,373
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1,594,630,495</b>	<b>167,463,462</b>		<b>1,762,093,957</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2,591,274,527	6,831,268,161		9,422,542,688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2,591,274,527</b>	<b>647,849,037</b>		<b>3,239,123,564</b>

**11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	45,156,600,444			409,732,000		45,566,332,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45,156,600,444</b>			<b>409,732,000</b>		<b>45,566,332,444</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	5,997,319,967		215,325,772		6,212,645,739
Tăng trong năm	502,385,418		40,973,208		543,358,626
- Khấu hao trong năm	502,385,418		40,973,208		543,358,626
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6,499,705,385</b>	<b>256,298,980</b>	<b>6,756,004,365</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	39,159,280,477	194,406,228	39,353,686,705
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38,656,895,059</b>	<b>153,433,020</b>	<b>38,810,328,079</b>

**12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,072,093,700				31,072,093,700
- XDCB dở dang	4,000,000				4,000,000
	<b>31,076,093,700</b>				<b>31,076,093,700</b>

**13 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	12,528,935,999	14,852,041,528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	637,121,291	469,816,491
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2,221,007,325	3,945,456,003
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	4,721,096,114	15,211,400,004
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	3,039,152,289	15,806,896,841
- Các đối tượng khác	2,679,941,975	2,205,058,574
<b>Cộng</b>	<b>25,827,254,993</b>	<b>52,490,669,441</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	3,039,152,289	15,806,896,841
<b>Cộng</b>	<b>3,039,152,289</b>	<b>15,806,896,841</b>

**14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	433,355,490	2,225,276,212	2,150,101,772	508,529,930
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,203,411,194	1,780,072,531	1,864,219,426	1,119,264,299
Thuế thu nhập cá nhân	32,001,796	370,227,486	351,876,535	50,352,747
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
Các loại thuế khác				
<b>Cộng</b>	<b>1,668,768,480</b>	<b>4,375,576,229</b>	<b>4,366,197,733</b>	<b>1,678,146,976</b>

**15 Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí trích trước thường, hàng khuyến mãi	180,374,850	1,149,705,491				
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1,388,279,615	2,685,013,408				
- Chi phí lãi vay phải trả		184,559,365				
<b>Cộng</b>	<b>1,568,654,465</b>	<b>4,019,278,264</b>				
<b>16 Các khoản phải trả khác</b>						
<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>				
Cổ tức, lợi nhuận phải trả						
Phải trả về cổ phần hóa	27,552,190,524					
Tài sản thừa chờ giải quyết	76,582,439	36,079,439				
Phải trả, phải nộp khác	91,040,305	257,083,444				
<b>Cộng</b>	<b>27,719,813,268</b>	<b>293,162,883</b>				
<b>Dài hạn</b>						
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	290,738,000	263,238,000				
<b>Cộng</b>	<b>290,738,000</b>	<b>263,238,000</b>				
<b>Tổng Cộng</b>	<b>28,010,551,268</b>	<b>556,400,883</b>				
<b>17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>						
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	1,008,154,287	355,278,900				1,363,433,187
Quỹ phúc lợi						
<b>Cộng</b>	<b>1,008,154,287</b>	<b>355,278,900</b>				<b>1,363,433,187</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thới, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**18. Vay và nợ thuế tài chính**

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	219,396,757,821	219,396,757,821	234,311,523,634	201,960,808,981	187,046,043,168	187,046,043,168
- Vay ngắn hạn	217,594,994,505	217,594,994,505	232,036,736,602	195,180,287,744	180,738,545,647	180,738,545,647
- Ngân hàng Thương Việt Nam - PGD Phan Va	86,263,883,647	86,263,883,647	100,636,312,664	100,677,659,996	86,305,230,979	86,305,230,979
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	34,540,772,029	34,540,772,029	34,540,772,029			
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	29,073,796,775	29,073,796,775	29,073,796,775	29,009,778,528	29,009,778,528	29,009,778,528
- Ngân hàng TCMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kỹ Đồng (6)	67,716,542,054	67,716,542,054	67,785,855,134	65,492,849,220	65,423,536,140	65,423,536,140
- Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1,540,437,988	1,540,437,988	1,993,744,992	4,448,944,996	3,995,637,992	3,995,637,992
+ Ngân hàng TCMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỹ Đồng (5)	624,600,000	624,600,000	138,800,000	469,000,000	954,800,000	954,800,000
+ Ngân hàng TCMCP Đông Nam Á (6)	134,199,988	134,199,988	1,443,374,992	2,539,824,996	1,230,649,992	1,230,649,992
+ Ngân hàng TCMCP Công Thương Việt Nam - PGI	781,638,000	781,638,000	411,570,000	1,440,120,000	1,810,188,000	1,810,188,000
- Nợ thuế tài chính	261,325,328	261,325,328	281,042,040	2,331,576,241	2,311,859,529	2,311,859,529
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	261,325,328	261,325,328	281,042,040	2,331,576,241	2,311,859,529	2,311,859,529
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5,860,876,768	5,860,876,768	-	2,318,114,208	8,178,990,976	8,178,990,976
- Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	5,835,376,768	5,835,376,768	-	1,993,744,992	7,829,121,760	7,829,121,760
+ Ngân hàng TCMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỹ Đồng (5)	1,728,400,000	1,728,400,000		138,800,000	1,867,200,000	1,867,200,000
+ Ngân hàng TCMCP Đông Nam Á (6)	447,333,768	447,333,768		1,443,374,992	1,890,708,760	1,890,708,760
+ Ngân hàng TCMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hòa (1)	3,659,643,000	3,659,643,000		411,570,000	4,071,213,000	4,071,213,000
- Nợ thuế tài chính (7)	25,500,000	25,500,000	-	324,369,216	349,869,216	349,869,216
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25,500,000	25,500,000		324,369,216	349,869,216	349,869,216
<b>Tổng cộng</b>	<b>225,257,634,589</b>	<b>225,257,634,589</b>	<b>234,311,523,634</b>	<b>204,278,923,189</b>	<b>195,225,034,144</b>	<b>195,225,034,144</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu****19.a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	201,600,000,000	3,592,582,827	(227,272,727)	24,585,603,415	229,550,913,515
Lãi trong năm trước				21,586,487,572	21,586,487,572
Tăng vốn trong kỳ	74,192,000,000				74,192,000,000
Trích các quỹ trong năm		2,451,698,901		(2,451,698,901)	
Chia cổ tức, lợi nhuận				(24,192,000,000)	(24,192,000,000)
Quyền chọn đổi trái phiếu			227,272,727		227,272,727
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(408,616,483)	(408,616,483)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2017				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Trích lập trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt 3%				(6,048,000,000)	(6,048,000,000)
+ Thặng dư vốn cổ phần			(250,000,000)		(250,000,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>275,792,000,000</b>	<b>6,044,281,728</b>	<b>(250,000,000)</b>	<b>12,795,775,603</b>	<b>294,382,057,331</b>
Số đầu năm Nay	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	12,795,775,603	294,382,057,331
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				24,931,851,724	24,931,851,724
Phân phối lợi nhuận trong kỳ		2,131,673,401		(30,342,152,301)	(28,210,478,900)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2,131,673,401		(2,131,673,401)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(355,278,900)	(355,278,900)
+ Chia cổ tức 2017				(27,579,200,000)	(27,579,200,000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2017				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Trích lập trả cổ tức 2017 bằng tiền mặt 10%					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>275,792,000,000</b>	<b>8,175,955,129</b>	<b>(250,000,000)</b>	<b>7,385,475,026</b>	<b>291,103,430,155</b>

**19.b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,579,200	27,579,200
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu ưu đãi		

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000
-----------------------------------	--------	--------

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	191,254,128,855	159,729,378,275
- Doanh thu bán hàng hóa	142,247,494,890	112,436,231,136
- Doanh thu bán thành phẩm	49,006,452,147	47,291,874,413
Các khoản giảm trừ doanh thu:	4,123,594,703	7,338,983,594
- Chiết khấu thương mại	3,147,287,922	5,643,841,104
- Giảm giá hàng bán	31,579,092	
- Hàng bán bị trả lại	944,727,689	1,095,142,490
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>187,130,534,152</u></b>	<b><u>152,390,394,681</u></b>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	131,518,044,182	100,087,320,309
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(9)</sup>	32,227,756,460	32,696,012,118
<b>Cộng</b>	<b><u>163,745,800,643</u></b>	<b><u>132,783,332,427</u></b>

11,500,000

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16,612,773	18,406,495
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42,186,200	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18,890,804,600	
<b>Cộng</b>	<b><u>18,949,603,573</u></b>	<b><u>18,406,495</u></b>

**4 Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	3,108,180,313	3,479,656,166
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1,809,300	40,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>3,179,031,479</u></b>	<b><u>3,589,629,434</u></b>

**5 Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	6,339,911,460	5,423,412,023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		260,078,433
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,438,506,639	1,568,161,230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,160,571,808	1,871,529,495
Chi phí khác	1,333,595,250	1,591,933,728
<b>Cộng</b>	<b><u>11,420,124,665</u></b>	<b><u>10,715,114,909</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí nhân viên quản lý	1,429,527,960	1,336,693,320
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,126,887	35,798,366
	Chi phí khấu hao TSCĐ	2,000,367,312	1,362,127,097
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	970,091,058	1,055,957,487
	Chi phí khác	186,077,946	195,924,378
	<b>Cộng</b>	<b>4,591,191,163</b>	<b>3,986,500,648</b>
			(1.000.000)
7	Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
	Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	128,540,707	
	Thu nhập cho thuê tài sản	39,860,970	39,860,970
	Thu nhập khác	556,519,371	141,521,660
	<b>Cộng</b>	<b>724,921,048</b>	<b>181,382,630</b>
			(1)
8	Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
	Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	26,996,667	
	Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	14,477,033	79,611,804
	Chi phí khác	328,834,827	51,121,949
	<b>Cộng</b>	<b>370,308,527</b>	<b>130,733,753</b>
			(11.500.000)
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

**VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Thanh toán tạm ứng		
Ban điều hành		

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đồng 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý II năm tài chính 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
<b>Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai</b>		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	52,932,888,500	9,555,455,650
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	6,164,340,837	5,754,547,996
- Góp vốn bằng tài sản cố định	6,800,000,000	
- Điều chuyển lợi nhuận về	18,000,000,000	

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Tuyết



Ngô Thị Thanh Lan

